

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2026/LĐ-ST
Ngày: 14-01-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm - Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở Bệnh viện Đa khoa thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Trung tâm Y tế thành phố Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bà Nguyễn Kim Lý - Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2025/TLST-LĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp về hợp đồng lao động theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 474/2025/QĐXXST-LĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Việt N, sinh năm: 1985; đăng ký thường trú: Tổ G, khu phố C, phường M, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P; địa chỉ trụ sở: Lô A, 2, 3, 4-CN, đường N, khu công nghiệp M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Choi Y, chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật – vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Kim A, sinh năm: 1987; đăng ký thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2025 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Việt N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Việt N và bà Phạm Thị Kim A có quan hệ họ hàng.

Từ tháng 8/2004 đến tháng 3/2005, bà N làm việc tại Công ty TNHH F; địa chỉ: Lô J-CN, đường D, khu công nghiệp M, thị trấn M, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm 9104117812 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

Bà N có cho bà Kim A mượn chứng minh nhân dân để làm hồ sơ xin việc và được nhận vào làm việc tại Công ty TNHH P. Bà Kim A có tham gia đóng bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm 9104172522 mang tên Nguyễn Thị Việt N từ tháng 12/2004 đến tháng 5/2005. Đến tháng 5/2005, bà Kim A nghỉ việc tại Công ty P.

Nay bà N liên hệ Bảo hiểm xã hội cơ sở Bến Cát làm thủ tục lãnh bảo hiểm xã hội thì được thông báo trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2004 đến tháng 3/2005. Do đó, Bảo hiểm xã hội cơ sở B từ chối giải quyết hồ sơ bà N.

Bà Nguyễn Thị Việt N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên huỷ hợp đồng lao động được ký kết giữa Nguyễn Thị Việt N và Công ty P vì người lao động thực tế tại Công ty P là Phạm Thị Kim A. Bà N không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

2. Đối với bị đơn Công ty TNHH P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết về việc thụ lý, giải quyết vụ án và triệu tập người đại diện hợp pháp của Công ty P đến Tòa án tham gia tố tụng. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Kim A trình bày tại bản tự khai như sau:

Thời điểm năm 2004, bà Phạm Thị Kim A chưa đủ tuổi lao động nên có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Việt N để xin việc làm tại Công ty P. Bà Kim A được nhận vào làm việc tại Công ty P từ tháng 12/2004 cho đến tháng 5/2005 với tên Nguyễn Thị Việt N. Bà Kim A ký hợp đồng lao động với Công ty P và đóng bảo hiểm xã hội với tên Nguyễn Thị Việt N.

Nay bà Nguyễn Thị Việt N có nhu cầu hưởng bảo hiểm xã hội thì không thực hiện được do trùng bảo hiểm xã hội trong thời gian từ tháng 12/2004 đến tháng 3/2005. Do đó, bà Kim A đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

4. *Tại phiên tòa:* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt; việc vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị đơn không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào không 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Việt N yêu cầu hủy hợp đồng lao động giữa người lao động Nguyễn Thị Việt N (người lao động trên thực tế là Phạm Thị Kim A) với Công ty Trách nhiệm hữu hạn P để điều chỉnh thông tin đóng bảo hiểm xã hội.

Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thì thấy:

Đương sự không còn lưu giữ các hợp đồng lao động để cung cấp cho Tòa án.

Bảo hiểm xã hội cơ sở B cung cấp: Bà Nguyễn Thị Việt N có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn – bệnh nghề nghiệp với 02 mã số bảo hiểm xã hội như sau:

- Mã số bảo hiểm xã hội: 9104172522 do Công ty TNHH P đóng từ tháng 12/2004 đến tháng 5/2005;

- Mã số bảo hiểm xã hội: 9104117812 do Công ty TNHH F đóng từ tháng 8/2004 đến tháng 3/2005.

Như vậy, có cơ sở xác định từ tháng 12/2004 đến tháng 3/2005 người lao động có tên Nguyễn Thị Việt N có làm việc tại Công ty TNHH P.

Các đương sự Nguyễn Thị Việt N, Phạm Thị Kim A thống nhất trình bày: Người làm việc tại Công ty TNHH P có tên thật là Phạm Thị Kim A, bà Kim A đã sử dụng giấy tờ tùy thân của bà N để xin việc làm tại Công ty TNHH P.

Xét, việc bà Phạm Thị Kim A sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà Nguyễn Thị Việt N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P là hành vi lừa dối về mặt chủ thể, vi phạm nguyên tắc trung thực khi xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình trong quan hệ lao động. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Việt N yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Việt N (tên do bà Phạm Thị Kim A mượn khi ký kết hợp đồng) với Công ty TNHH P là có căn cứ theo quy định tại Điều 4, Điều 127, Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để điều chỉnh, cập nhật thông tin và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 4, Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 32, Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Việt N đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Việt N và Công ty Trách nhiệm hữu hạn P từ tháng 12/2004 đến tháng 3/2005 là vô hiệu.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Việt N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18. Tp. HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 18, Tp. HCM;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HSV.A.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân